

**CÔNG TY CP QUỐC TẾ ETRANS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP QUỐC TẾ ETRANS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ETRANS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109289608

**3. Ngày thành lập:** 31/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

6/75, đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Logistics<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu                                                                                        | 5229(Chính) |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                              | 8299        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ<br>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác | 4933        |
| 4.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa ven biển                                                                                                                                                                                                                   | 5012        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở<br>- Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở | 6810 |
| 6.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản<br>Chi tiết:<br>- Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh<br>- Chế biến và bảo quản thủy sản khô<br>- Chế biến và bảo quản nước mắm                                                                                                                         | 1020 |
| 7.  | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất nước ép từ rau quả                                                                                                                                                                                                                                          | 1030 |
| 8.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1623 |
| 9.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa<br>- Sản xuất giấy nhãn và bìa nhãn                                                                                                                                                                            | 1702 |
| 10. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mỹ phẩm                                                                                                                                                                                                           | 2023 |
| 11. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2640 |
| 12. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3230 |
| 13. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt<br>- Bốc xếp hàng hóa đường bộ<br>- Bốc xếp hàng hóa cảng biển<br>- Bốc xếp hàng hóa cảng sông                                                                                                                                                     | 5224 |
| 14. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                         | 2593 |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                                                                                                                                     | 2599 |
| 16. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1622 |

|     |                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                | 2392 |
| 18. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất xi măng<br>- Sản xuất vôi<br>- Sản xuất thạch cao                                      | 2394 |
| 19. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                    | 2395 |
| 20. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                        | 2396 |
| 21. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                             | 2410 |
| 22. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                               | 2821 |
| 23. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                        | 2822 |
| 24. | Sản xuất máy luyện kim                                                                                                                               | 2823 |
| 25. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                | 2824 |
| 26. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                 | 2825 |
| 27. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                | 2826 |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>- Không bao gồm: hoạt động đấu giá qua internet và đấu giá khác không ở cửa hàng (bán lẻ) | 4791 |
| 29. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                         | 2592 |
| 30. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                     | 2591 |
| 31. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất bao bì từ plastic                                                                            | 2220 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.666.666.666 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 666.666

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TẠ KHẮC QUẢNG | Thôn Chi Long, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 15,000    | 125569204                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CHU GIANG SƠN | T29, Khu Đông Tiến 2, Phường Cẩm Đông, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 15,000    | 100922155                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                              |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | ĐOÀN HUY TUÂN  | Tổ 5, khu 2B, Phường Cẩm Trung, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 15,000 | 022089002319 |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 15,000 |              |
| 4 | NGUYỄN VĂN HÀ  | Khối 1, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 15,000 | 082404898    |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 15,000 |              |
| 5 | NGUYỄN VĂN QUÝ | Thôn Chi Long, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 15,000 | 125436698    |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                              | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 15,000 |              |

|   |                  |                                                                                    |                           |         |               |        |              |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 6 | NGUYỄN QUANG HÒA | Tổ 1, Khu Diêm Thủy, Phường Cẩm Bình, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 166.666 | 1.666.666.666 | 25,000 | 022088002165 |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                    | Tổng số                   | 166.666 | 1.666.666.666 | 25,000 |              |
|   |                  |                                                                                    |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 022088002165

Ngày cấp: 22/05/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Khu Diêm Thủy, Phường Cẩm Bình, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 1, Khu Diêm Thủy, Phường Cẩm Bình, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội